

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310 /2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 16/9/2021.

V/v: xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA - TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cầm Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bồ Thị Thái.
2. Bà Hà Thị Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án thành phố Sơn La, TAND thành phố Sơn La tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 120/2021/TLST – HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2021 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa số 13/TB-TA ngày 27 tháng 5 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa số 13/TB-TA ngày 25 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn Hoan Ái, xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn Hoan Ái, xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; Tạm trú tại: Tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn C đã đăng ký kết hôn ngày 27/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Kết hôn do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 4 đến 5 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, cuộc sống chung hết sức căng thẳng. Đến năm 2018 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị và anh C sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Hiện nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị H, C có 02 con chung là cháu Nguyễn Đoàn Tr, sinh ngày 02/6/2011, cháu B, sinh ngày 02/8/2013. Các cháu đều đang sống cùng anh C và ông bà nội là ông Nguyễn Văn Đ, bà Lương Thị Ng tại tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Nay ly hôn, chị Vũ Thị Thanh H có nguyện vọng để anh C trực tiếp nuôi các cháu do các cháu đang đi học ở trường Tiểu học Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Chị H phải đi làm xa không có điều kiện chăm sóc các cháu. Chị H sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T, sinh ngày 02/6/2011 số tiền 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; cấp dưỡng cho cháu B, sinh ngày 02/8/2013 số tiền 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Nguyễn Văn C đến để giải quyết việc chị Vũ Thị Thanh H đề nghị ly hôn nhưng anh C đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh C vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Theo lời khai của bà Lương Thị Ng (mẹ đẻ của anh C) thì anh C, chị H có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc một thời gian đầu, sau đó chị H bỏ đi làm ăn tại Hưng Yên. Khoảng thời gian gần đây, anh C cũng đi làm ăn xa, bà không biết anh đi đâu và cũng không liên lạc được với anh. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì bà không nắm được cụ thể nhưng theo bà chủ yếu là mâu thuẫn về kinh tế gia đình, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát, nay mỗi người ở một nơi không trực tiếp chung sống cùng nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và anh C

đã sống ly thân từ năm 2018 không còn quan tâm, thăm hỏi đến nhau nữa. Còn địa chỉ cụ thể của anh C thì gia đình không biết do anh C không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc nên gia đình không biết địa chỉ mới của anh ở đâu. Sau khi nhận các văn bản, thông báo của Tòa án, bà có gọi điện cho anh C thông báo Tòa án gửi giấy triệu tập anh đến làm việc nhưng anh C không nghe máy và cũng không về địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại tổ, phường và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La nhưng anh C vẫn không đến Tòa án làm việc.

Về con chung của anh chị, bà Lương Thị Ng (địa chỉ: Tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) là mẹ đẻ của anh C có ý kiến như sau: Các cháu T và cháu B đã sống cùng với bố và ông bà nội từ nhỏ, hiện nay các cháu đều đang học tại trường Tiểu học Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Anh chị H, C đều đi làm ăn xa không có điều kiện, thời gian trông nom các cháu. Vì thế, để đảm bảo quyền lợi của các cháu, bà có nguyện vọng để anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi các cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động dưới sự giúp đỡ của ông bà nội các cháu là ông Đ, bà Ng. Tại các biên bản ghi ý kiến các cháu, cháu Tr và H đều có ý kiến đề nghị được ở cùng anh Nguyễn Văn C và ông bà nội là ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị N. Trong thời gian anh C đi làm ăn xa, ông bà Ng, Đ sẽ giúp đỡ việc chăm sóc các cháu.

Qua xác minh tại chính quyền tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, xác định anh C đã đi làm xa một thời gian dài, không có mặt tại địa phương. Ông Nguyễn Xuân H - tổ trưởng tổ 3 cho biết anh C và chị H đã ly thân từ lâu, hiện nay không còn quan tâm, thăm hỏi nhau nữa. Về mâu thuẫn gia đình anh chị, ông không nắm được, nay chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2021 Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã nhận được bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 26/8/2021 của anh Nguyễn Văn C gửi theo đường bưu điện với nội dung:

Về thời gian đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn anh C khai không có gì mâu thuẫn so với lời khai của chị H, anh C xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, đến năm 2018 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: anh C có hai con chung như chị H trình bày, anh C có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con và nhất trí với sự tự nguyện của chị H về mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/ tháng/cháu.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: anh C đều khai nhận là không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La nhiều lần triệu tập anh C đến Tòa án để giải quyết nhưng ông C vắng mặt không có lý do. Chị H có ý kiến đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do anh C cố tình vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 14; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Nhất trí ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị Vũ Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn C:

Giao các cháu T, sinh ngày 02/6/2011 và cháu B, sinh ngày 02/8/2013 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trang và cháu Huy đủ 18 tuổi và có khả năng động.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị Vũ Thị Thanh H tự nguyện cấp dưỡng cho cháu T, sinh ngày 02/6/2011 số tiền 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi cháu Trang đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị Vũ Thị Thanh H tự nguyện cấp dưỡng cho cháu B, sinh ngày 02/8/2013 số tiền 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung, tài sản riêng: Không có.

6. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Vũ Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh Nguyễn Văn C tại Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Ngày 18 tháng 01 năm 2021, TAND huyện Yên Mỹ ra Quyết định chuyển vụ án số 01/2021/QĐ-CVA chuyển vụ án hôn nhân gia đình cho Tòa án

nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Bị đơn anh Nguyễn Văn C có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án nhân dân thành phố Sơn La thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Nguyễn Văn C có hộ khẩu thường trú tại tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Anh C đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh C đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập, gia đình anh C, chính quyền tổ đã thông báo cho anh C nhưng anh C vẫn không đến Tòa án giải quyết và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ, nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tuy nhiên ngày 26/8/2021 anh C có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai về quan điểm của anh C trong việc chị H xin ly hôn anh C.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Nguyễn Văn C vẫn cố tình vắng mặt không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, việc cố tình vắng mặt không có lý do của anh C vi phạm khoản 16, điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ của đương sự. Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa nhưng cả 2 lần anh C đều vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh H do đang sống tại địa phương vùng có dịch có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngày 26/8/2021 anh C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa mở vào hồi 08 giờ ngày 16/9/2021. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị C H chung sống hạnh phúc khoảng 4 đến 5 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, anh C chị H đã tách ra sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử thấy rằng, thực tế cuộc sống vợ chồng của chị H, anh C đã không tồn tại khoảng từ năm 2018 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các C việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị H, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thanh H là xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu T, sinh ngày 02/6/2011, cháu B, sinh ngày 02/8/2013. Xét thấy từ khi anh C và chị H sống ly thân (năm 2018), các cháu đều đang sống cùng anh Nguyễn Văn C và ông bà nội là ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ng. Anh C thực hiện tốt việc chăm sóc, giáo dục con chung. Hơn nữa cháu Trang và cháu Huy đều có nguyện vọng xin được ở với bố, chị H và anh C đều nhất trí thỏa thuận để anh C trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C 1.500.000đ/cháu/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả 2 con cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo điều kiện về mọi mặt của các cháu cũng như theo nguyện vọng của các cháu và của anh C, chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị H như sau:

Chị Vũ Thị Thanh H có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu T, sinh ngày 02/6/2011 số tiền 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị Vũ Thị Thanh H có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu B, sinh ngày 02/8/2013 số tiền 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn C xác định không có tài sản chung, không đề nghị giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị Thanh H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn);

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 14; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thanh H

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung:

Giao các cháu T, sinh ngày 02/6/2011 và cháu B, sinh ngày 02/8/2013 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trang và cháu Huy đủ 18 tuổi và có khả năng động.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị Vũ Thị Thanh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung: cháu T, sinh ngày 02/6/2011 số tiền 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi cháu Trang đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị Vũ Thị Thanh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung: cháu B, sinh ngày 02/8/2013 số tiền 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

4. Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung, tài sản riêng: Không có.

6. Về án phí: Chị Vũ Thị Thanh H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003347, ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Chị Vũ Thị Thanh H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh H; Bị đơn anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết C khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSNDTP Sơn La;
- Chi cục THADSTP Sơn La;
- UBND xã Tân Việt (để vào sổ hộ tịch);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Cầm Thị Thanh H

